TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Mai;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1991, cư trú: T3, ấp K, xã T, huyện G, tỉnh K, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1986, cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Th chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn số 51/2012, ngày 20 tháng 7 năm 2012, theo bản sao trích lục kết hôn số 104/TLKH-BS, ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T. Vợ chồng sống hạnh phúc vào thời gian đầu. Đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề tiền bạc, nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đó, không còn

liên lạc với ông Th. Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn bà T yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2013. Hiện tại do bà T nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Văn Th đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng các nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa bà T và ông Th không còn hạnh phúc, cả hai bỏ mặt không còn quan tâm, thể hiện từ năm 2016 thì bà T và ông Th không còn sống chung với nhau. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có một (01) con chung tên Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2013. Từ sau khi bà T và ông Th không còn chung sống với nhau, con chung đều do bà T nuôi dưỡng. Mặc khác, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, không làm thay đổi cuộc sống cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Th vắng mặt. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Lê Văn Th đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn Th có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn số 51/2012, ngày 20 tháng 7 năm 2012, theo bản sao trích lục kết hôn số 104/TLKH-BS, ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy về tình cảm bà T và ông Th không còn hạnh phúc, từ năm 2016 cả hai bỏ mặt không còn quan tâm, chung sống với nhau, theo kết quả xác minh ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại ấp Phú Nhứt, xã An Phú xác định *"...hiện nay ông Th vẫn sinh sống tại địa phương.....thời gian gần đây chỉ thấy ông Th sống một mình và được biết bà T về nhà cha mẹ ruột ở Kiên Giang sinh sống"*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Huỳnh Thị T xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2013. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà T nuôi dưỡng, nên khi xem xét giao con chung cũng xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh và không làm thay đổi sinh hoạt học tập của cháu Ngân. Do đó, cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Lê Văn Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2013 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Lê Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Văn Th quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014619 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2012, ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã A;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ